

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Sâm;
 - Ông Phạm Ngọc Túy.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1988
Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.
- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984
Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- (Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Vũ Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 9/2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2011 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày

20/7/2006 và Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, hiện 02 con chung đang ở cùng anh T. Ly hôn chị D đề nghị cháu H đã trưởng thành không đặt ra giải quyết, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- Cháu Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008 là con đẻ của chị Vũ Thị D và anh Trần Văn T. Nếu chị D, anh T ly hôn thì cháu T1 có nguyện vọng ở cùng anh T.

- *Tại biên bản xác minh với gia đình anh Trần Văn T thể hiện:* Chị Vũ Thị D và anh Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 11/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình anh T và lao động tự do. Quá trình chung sống chị D và anh T có phát sinh mâu thuẫn, hiện chị D và anh T đã sống ly thân. Nay chị D có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 20/7/2006 và Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, hiện 02 con chung đang ở cùng anh T, ly hôn đề nghị giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không có.

Hiện nay anh T đi làm lao động tự do, anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh T và thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T là anh nhất trí ly hôn với chị D đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn A, cán bộ tư pháp xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Vũ Thị D và anh Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 11/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị D và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị D có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 20/7/2006 và Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, hiện 02 con chung đang ở cùng anh T, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Vũ Thị D và anh Trần Văn T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị D, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/6/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2011 đến nay không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị D đề nghị ly hôn nhưng anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị D và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 20/7/2006 và Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, hiện 02 con chung đang ở cùng anh T. Ly hôn chị D đề nghị cháu H đã trưởng thành không đặt ra giải quyết, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh T là chính đáng, anh T có công việc, thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân anh T chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi con chung là Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị D, anh Trần Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi con Trần Phương T1, sinh ngày 30/10/2008, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0004652 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị D, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh